

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/12/2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tào Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em.
2. Ông Liêu Tài Ngoánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXX- ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/QĐHPT ngày 02/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Ngọc Y, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 15A, xã Vĩnh MA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 15A, xã Vĩnh MA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/08/2022 chị Trương Ngọc Y trình bày: Chị xây dựng hôn nhân với anh Nguyễn Quốc T vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng chị có 03 người con chung: Nguyễn Minh Kh, sinh năm 2001, Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2003 đã trưởng thành và Nguyễn Ngọc Phương L, sinh năm 2013 hiện đang ở với chị Y; về tài sản chung, nợ chung không có. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chị sống không hợp, thường xuyên cãi vã nhau và đã sống ly thân 01 năm. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn và được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu gì khác.

Riêng anh Nguyễn Quốc T không có lời trình bày tại Toà án và anh T cũng không có cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Y theo

quy định của pháp luật. Mặc dù anh T đã được Toà án giao thông báo thụ lý, giải thích quyền và nghĩa vụ của anh khi nhận văn bản của Toà án. Nhưng sau khi nhận thông báo thụ lý anh T không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y. Ngoài ra, Toà án cũng đã giao thông báo về phiên hoà giải và đã được tổng đạt hợp nhưng anh Tuấn không đến dự phiên hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được, Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đủ điều kiện xét xử.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Ngọc Y đối với anh Nguyễn Quốc T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương L, sinh năm 2013 cho chị Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Y không yêu cầu. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Yến phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Trương Ngọc Y và đơn anh Nguyễn Quốc T, địa chỉ ấp 15A, xã VMA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa, chị Yến có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T được Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Ngọc Y và anh Nguyễn Quốc T xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị Y và anh T là hợp pháp được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Chị Trương Ngọc Y cho rằng trong thời gian sống chung với anh T thường xuyên cãi vã nhau, hiện tại vợ chồng chị không còn chung sống với nhau. Nay xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T không thể tiếp tục sống chung được, vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng chị Y và anh T không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên cãi vã nhau và hiện tại chị và anh T đã sống ly thân 01 năm và không có liên lạc để hàn gắn; điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị và anh T đã có xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Trương Ngọc Y.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị Y và anh T có 03 người con chung tên: Nguyễn Minh Kh, sinh năm 2001, Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2003 đã trưởng thành, cháu Nguyễn Ngọc Phương L, sinh năm 2013 hiện đang ở với chị Y, cháu L cũng có ý kiến trình bày nguyện vọng ở với chị Y nên Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao cháu L cho chị Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Ngọc Y đối với anh Nguyễn Quốc T, xử cho ly hôn giữa chị Trương Ngọc Y và anh Nguyễn Quốc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương L, sinh năm 2013 cho chị Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Y không yêu cầu.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Y đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003318 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- UBND nơi đăng ký;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tào Ngọc Phượng